TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/HCST
Ngày: 25/8/2017
V/v khiếu kiện Quyết định
xử phạt vi phạm hành chính:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BÌNH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch – Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang
2. Ông Phạm Lê Thụy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuán, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hành chính đã thụ lý số: 01/2016/LTST-HC, ngày 26//01/2016, về: "Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐ-XX ngày 08/8/2017, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Phạm Xuân T,** sinh năm 1965

Địa chỉ: số nhà 311, thôn Hiệp Đức 2, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Người bị kiện: **Chủ tịch UBND xã P - huyện T**

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1982, Chủ tịch UBND xã P.

(Người khởi kiện và người bị kiện đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Xuân T trình bày: Vào ngày 13/01/2016 ông nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P, với biện pháp phạt tiền 2.000.000đồng về hành vi lấn chiếm đất công do xã UBND xã P quản lý, để đắp bờ sản xuất nông nghiệp với diện tích 6.064,9 m^2 tại khu vực Cây trôm, thôn 1, xã P.

Nguồn gốc đất là của ông bà nôi ông có trước năm 1930, diện tích khoảng 2,2 ha (không có giấy chứng nhận đất), sau đó ông bà nội ông khai hoang thêm khoảng 03 ha ruộng (có giấy chứng nhận năm Bảo đại thứ 13).

Năm 1965 bà nội ông lập tờ di chúc phân chia tài sản, trong đó chia cho cô ông là bà Phạm Thị Hoa sở đất này, có tục danh là ruộng Cây me thuộc địa phận hành chính xã Thượng Văn (nay là xã C) quản lý và được thị thực tại xã Thượng Văn ngày 25/9/1972.

Từ trước năm 1975 do chiến tranh, nên sở đất này gia đình ông không canh tác mà bỏ hoang hóa. Từ năm 1975 cô ông giao lại cho cha ông tên là Phạm Liêm (không có lập giấy tờ giao), gia đình ông quản lý canh tác toàn bộ sở đất có tổng diện tích 5,2 ha theo đo đạt thủ công.

Năm 1979 gia đình ông kê khai, được UBND xã C đo đạt lập bộ thuế theo chỉ thị số 299/CT-CP năm 1980 của Chính Phủ và có tên chủ đất trong bản đồ địa chính 299 của xã C (khu vực này lúc bấy giờ thuộc địa bàn quản lý của UBND xã C)

Năm 1982 gia đình ông thống nhất giao cho ông quản lý sử dụng.

Năm 1983 ông đi nghĩa vụ quân sự, ông lập giấy giao đất trông coi sản xuất lại cho ông Đặng Thái Sơn diện tích 5,2 ha khi nào ông đi lính về ông Sơn trả lại cho ông (giấy viết tay ghi ngày 01/8/1983)

Năm 1986 T lập kinh tế mới Cây Cà, địa bàn này do UBND xã P quản lý, Nhà nước san ủi bằng toàn bộ khu đất ruộng lúa chỉ chừa lại thửa ruộng 1,26ha ông Sơn canh tác trồng bụt giấm theo thời vụ.

Năm 2011 UBND huyện T thu hồi thửa ruộng 1,26ha và cho ông Sơn thuê lại.

Ngày 10/11/2015 ông Đặng Thái Sơn chấp nhận giao trả lại đất cho ông (có giấy thỏa thuận giao trả đất ngày 10/11/2015)

Ngày 11/11/2015 ông gửi đơn đến UBND xã P, kiến nghị yêu cầu cho ông phục hóa lại đất cũ của gia đình.

Ngày 17/12/2015 Chủ tịch UBND xã P trả lời Đơn kiến nghị tại công văn số 87/UBND, kết quả không chấp nhận yêu cầu của ông.

Ngày 24/12/2015 ông thuê công tác động trên đất, bằng cách đắp bờ bao quanh diện tích đất cũ của gia đình ông khoảng 5,2 ha, thì UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 11/01/2016 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐXPVPHC đối với ông.

Ngày 14/01/2016 ông gởi Chủ tịch UBND huyện T, Đơn khiếu nại công văn số 87/UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch UBND xã P.

Ngày 14/3/2016 Chủ tịch UBND huyện T có công văn số 375/UBND-BTCD trả lời khiếu nại, Công văn số 87/UBND ngày 17/12/2015 Chủ tịch UBND xã P là đúng.

Ngày 16/3/2016 ông gởi Đơn khiếu nại Công văn số 375/UBND-BTCD ngày14/3/2016 Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 27/5/2016 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1944 /QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông, về yêu cầu UBND huyện công nhận 5,2 ha đất nông nghiệp cho ông.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của của UBND huyện T, ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

Ngày 05/6/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, ban hành Quyết định số 1489/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2,. Kết quả là không chấp nhận Đơn khiếu nại của ông, công nhận quyết định số 1944 /QĐUBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện T là đúng.

Ông cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P, là không đúng quy định pháp luật, bởi những căn cứ sau đây:

1.Thời hiệu xử phạt đã hết

2. Diện tích thực tế ông tác động bao quanh là 5,2 ha, diện tích tác động trực tiếp là 100m^2, Biên bản vi phạm hành chính ghi diện tích là 1,3 ha, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ghi là 6.064,4m^2

3. Ông chưa trồng trọt sản xuất gì trên đất mà Quyết định ghi là để sản xuất nông nghiệp

4. Quyết định chưa có hiệu lực thi hành, nhưng lại thông báo công khai làm xúc phạm danh dự của tôi.

Với những lý do trên, nay ông yêu cầu Tòa án xử: Hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P và phải công khai xin lỗi ông trên hệ thống loa truyền thanh của xã P.

Người bị kiện chủ tịch UBND xã P, ông Nguyễn Việt H trình bày: Vào ngày 11/01/2016 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC đối với ông Phạm Xuân T, công dân xã C với biện pháp phạt tiền 2.000.000đồng về hành vi lấn chiếm đất công do xã UBND xã P quản lý, có hành vi đắp bờ mục đích sản xuất nông nghiệp với diện tích 6.064,9 m^2 tại khu vực Cây trôm thôn 1, xã P.

Diện tích đất này là đất công hoang hóa do UBND xã P quản lý, xã dự kiến đề nghị UBND huyện qui hoạch T lập khu dân cư mới của xã P. Ông T cho rằng đất có nguồn gốc của ông bà nội ông có từ trước năm 1930.

Ngày 11/11/2015 ông T có gửi đơn đến UBND xã P kiến nghị yêu cầu cho ông phục hóa lại đất cũ của gia đình.

Ngày 17/12/2015 Chủ tịch UBND xã P trả lời Đơn kiến nghị tại công văn số 87/UBND, kết quả không chấp nhận yêu cầu của ông T.

Ngày 24/12/2015 ông T tự động thuê công đến đắp bờ bao quanh diện tích đất 1.3 ha, thì tổ quản lý đất đai của xã lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC.

Ngày 31/12/2015 ông T lại tiếp tục thuê công lao động và máy cày ra cày đất, tổ quản lý đất đai của xã ra ngăn chặn, ông T không hợp tác làm việc còn có thái độ chưởi bới xúc phạm cán bộ xã rồi tự ý bỏ về.

Qua kiểm tra thực địa xác định trong tổng số 1.3 ha đất ông T lấn chiếm có 6.064,9m^2 là đất công do xã quản lý, còn lại là đất của 6 hộ dân được Nhà nước hoán đổi đất và đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày 08/01/2016 Tổ quản lý đất đai của xã lập biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC đối với ông T, ông T không hợp tác không ký biên bản

Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 08/01/2016, Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 02/QĐXPVPHC ngày 11/01/2016 đối với ông T.

Ngày 14/01/2016 ông T gởi Đơn khiếu nại công văn số 87/UBND ngày 17/12/2015 Chủ tịch UBND xã P.

Ngày14/3/2016 Chủ tịch UBND huyện T có công văn số 375/UBND-BTCD trả lời khiếu nại: Công văn số 87/UBND ngày 17/12/2015 của Chủ tịch UBND xã P là đúng.

Ngày 16/3/2016 ông T gởi Đơn khiếu nại Công văn số 375/UBND-BTCD ngày14/3/2016 Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 27/5/2016 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1944 /QĐUBND không chấp nhận khiếu nại của ông T.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của của UBND huyện T, ông T tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận.

Ngày 05/6/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1489/QĐ-UBND. Kết quả là không chấp nhận khiếu nại của ông T, công nhận quyết định số 1944 /QĐUBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện T là đúng.

Ông Nguyễn Việt H khẳng định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P ban hành đúng quy định của pháp luật, bởi những căn cứ sau đây: Điều 57, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014NĐCP ngày 10/10/2014 của Chính Phủ.

Nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cơ bản là đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, xử bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là ông Phạm Xuân T, đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sàt viên, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11/01/2016 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC đối với ông Phạm Xuân T, công dân xã C với biện pháp phạt tiền 2.000.000 đồng về lấn chiếm đất công do xã UBND xã P quản lý, có hành vi đắp bờ mục đích sản xuất nông nghiệp với diện tích 6.064,9 m^2 tại khu vực Cây trôm thôn 1, xã P.

Ngày 13/01/2016 ông T nhận được Quyết định, cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi và uy tín danh dự của ông.

Ngày 18/01/2016 ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T, vói yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P và phải công khai xin lỗi ông trên hệ thống loa truyền thanh của xã P, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2016.

Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính, là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2016.

- Về nội dung:

Hình thức. trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính:

Chủ tịch UBND xã P đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ- CP ngày 10/10/2014 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nội dung Quyết định hành chính:

Theo ông T cho rằng nguồn gốc đất, là của ông bà nôi ông có trước năm 1930 diện tích khoảng 2,2 ha (không có giấy chứng nhận đất), sau đó ông bà nội ông khai hoang thêm khoảng 03 ha ruộng nữa (có giấy chứng nhận năm Bảo đại thứ 13).

Từ trước năm 1975 do chiến tranh, nên sở đất này gia đình ông không canh tác mà bỏ hoang hóa.

Năm 1979 gia đình ông kê khai, được UBND xã C đo đạt lập bộ thuế theo chỉ thị số 299/CT-CP năm 1980 của Chính Phủ và có tên chủ đất trong bản đồ địa chính 299 của xã C (khu vực này lúc bấy giờ thuộc địa bàn quản lý của UBND xã C)

Trong suốt quá trình ông gửi đơn khiếu nại, yêu cầu phục hóa lại đất cũ và đòi công nhận quyền sử dụng đất cho ông, từ cấp xã đến cấp tỉnh, kết quả đều không chấp nhận yêu cầu của ông.

Căn cứ vào kết quả giải quyết khiếu nại, thì không có cơ sở công nhận phần đất ông thuê công tác động thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông T. Do đó hành vi ông T thuê công đắp bờ bao quanh đất tại khu vực Cây trôm thôn 1, xã P, trong đó có diện tích 6.064,9 m^2 đất công do xã quản lý, là hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai, nên ngày 08/01/2016 UBND xã P lập Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC, đến ngày 11/01/2016 Chủ tịch xã ban hành Quyết định số 02/QĐXPVPHC đối với ông T, với biện pháp phạt tiền 2.000.000đồng, buộc khôi phục lại hiện trạng đất và buộc trả lại đất đã chiếm là còn thời hiệu, thời hạn và có cơ sở.

Xét những căn cứ ông T đưa ra, cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P là trái pháp luật:

1. Thời hiệu: căn cư vào biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 08/01/2016 Chủ tịch UBND xã P ban hành quyết định là còn thời hiệu và thời hạn (theo Điều 6 thời hiệu là 1 tháng kể từ ngày vi phạm và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hạn ra Quyết định là 7 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính)

2. Diện tích: theo xác minh và thẩm định thực tế, thì xác định trong tổng số diện tích đất ông T tác động có 6.064,9 m^2 là đất của xã quản lý, phần còn lại là đất của các chủ đất khác không thuộc đất xã quản lý. Chủ tịch xã cho lập biên bản và xử phạt trong phạm vi đất của xã quản lý là đúng pháp luật. Đối với các chủ đất khác nêu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện tranh chấp đất đến Tòa án để giải quyết T vụ án dân sự khác.

3. Vì ông chưa trồng trọt gì trên đất, nên trong quyết định ghi là đắp bờ "để" sản xuất nông nghiệp, chứ không ghi là đã hoặc đang sản xuất nông nghiệp, việc dùng câu từ như vậy là chính xác, phản ánh đúng bản chất sự việc.

4. Theo khoản 4 Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ ngày ký (11/01/2016). hoặc ngày ghi trong quyết định. Đối với trường hợp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý

đất đai, không quy định Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, theo Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nhưng trong quá trình lập thủ tục xử lý vi phạm, do ông T không hợp tác, không ký các văn bản theo thủ tục quy định, nên chủ tịch UBND xã, cho thông báo công khai trên loa truyền thanh của xã, với mục đích là thông báo công khai và không có nội dung xúc phạm danh dự nhân phẩm đối với ông T, là không vi phạm pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 đối với ông Phạm Xuân T, là đúng pháp luật. Vì vậy nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận toàn bộ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận toàn bộ, nên ông T phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYEÁT ÑÒNH:

Căn cứ vào Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015

Căn cứ vào khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ- CP ngày 10/10/2014 của Chính Phủ, về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ vào Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL- UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, về việc: Yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 11/01/2016 của Chủ tịch UBND xã P và phải công khai xin lỗi ông trên hệ thống loa truyền thanh của xã P

Án phí hành chính sơ thẩm 200.000đồng, ông Phạm Xuân T phải chịu, được trừ vào 200.000đồng ông đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007432 ngày 26/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ông Phạm Xuân T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hưng Quang **Phạm Lê Thụy** **Nguyễn Văn Thạch**